TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-02-2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Ngọc Kiều

Bà Nguyễn Bé Bảy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Lê Vũ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 về việc Tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hồng D, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 31/10/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, đến ngày 27/4/2018 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống. Anh T và gia đình anh T nhiều lần có lời lẽ xúc phạm chị và gia đình chị. Vợ chồng chị đã ly thân từ ngày 25/9/2019 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc

nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Văn Nho sinh ngày 01/3/1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Văn Lý sinh ngày 08/12/2012 hiện đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Lý, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2020, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị D tự nguyện chung sống với nhau đã được 24 năm nhưng đến gần đây mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K. Về thời gian đăng ký kết hôn thì anh không nhớ rõ. Vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì, chỉ có cự cãi nhỏ về vấn đề tiền bạc. Chị D bỏ đi từ ngày 25/9/2019 âm lịch. Thời gian mà vợ chồng cự cãi cách ngày chị D bỏ đi là 01 tháng trước đó. Anh không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Văn Nho sinh ngày 01/3/1996 hiện đã trưởng thành, đã có vợ con nên không yêu cầu giải quyết và Nguyễn Văn Lý sinh ngày 08/12/2012 hiện nay đã đi theo chị D. Anh yêu cầu được nuôi cháu Lý để lo cho cháu ăn học, không yêu cầu chị D cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 21/11/2019 về việc ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Văn Lý thể hiện: Cháu Lý có nguyện vọng tiếp tục sống chung với chị Nguyễn Hồng D.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn, giao cháu Nguyễn Văn Lý cho chị D nuôi dưỡng, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; các đương sự không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không xem xét; về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Chị Nguyễn Hồng D và anh Nguyễn Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 27/4/2018 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Hồng D, thấy rằng: Chị D yêu cầu được ly hôn với anh T vì đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn gay gắt, không thể chung sống với nhau được nữa. Đối với ý kiến của anh T tại biên bản lấy lời khai, anh cho rằng đời sống vợ chồng giữa anh và chị D không phát sinh mâu thuẫn, tuy nhiên anh cũng xác định anh và chị D đã không còn sống chung từ ngày 25/9/2019 âm lịch. Từ đó đến nay anh T không có động thái gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh T. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D về việc xin ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị D và anh T có 02 con chung là Nguyễn Văn Nho (giới tính: nam) sinh ngày 01/3/1996 và cháu Nguyễn Văn Lý (giới tính: nam) sinh ngày 08/12/2012. Đối với cháu Nguyễn Văn Nho hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Văn Lý thì cả anh T và chị D đều có nguyện vọng muốn nuôi dưỡng cháu. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay chị D đang nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Lý, tại biên bản ngày 11/12/2019, cháu Lý có nguyện vọng tiếp tục sống cùng với chị D. Trên cơ sở xem xét điều kiện để phát triển về mọi mặt của con chung, nguyện vọng của con chung từ đủ 07 tuổi trở lên, đồng thời không làm thay đổi cuộc sống đã ổn định của cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Văn Lý cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Hồng D xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Lý (giới tính: nam) sinh ngày 08/12/2012 cho chị Nguyễn Hồng D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Hồng D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Chị Nguyễn Hồng D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004662 ngày 31/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- UBND xã K, huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý